

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG THỂ CHẾ KINH TẾ Ở VIỆT NAM TỪ KHI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

1. Chủ trương xây dựng thể chế kinh tế thị trường

Như đã nêu ở trên, mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam đã được xác định là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực thi được mô hình kinh tế đó, trong hơn 30 năm qua, Đảng ta đã rất coi trọng việc xây dựng thể chế kinh tế mới, từng bước phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với chủ trương đổi mới, Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đặt ra yêu cầu đổi mới thể chế kinh tế. Trọng tâm của đổi mới thể chế kinh tế lúc bấy giờ là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đại hội VI xác định: “Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế”¹. Đại hội VII của Đảng một lần nữa khẳng định quan điểm về xác lập cơ chế quản lý kinh tế mới: “Tiếp tục xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường sự quản lý của Nhà nước”².

Khái niệm thể chế kinh tế chính thức được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994) của Đảng đưa ra: “Tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước”³.

Đại hội IX (năm 2001) tiếp tục xác định rõ hơn chủ trương xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁴. Đại hội X (năm 2006) coi việc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách để

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, t.47, tr.396-397.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.51, tr.170.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.53, tr.212.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sdd, tr.215-216.

phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 30-01-2008 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁵.

Đại hội XII (năm 2016) xác định rõ mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị.

Như vậy có thể thấy, chủ trương xây dựng thể chế kinh tế thị trường của Đảng ta là nhất quán và ngày càng đổi mới, phù hợp hơn với quá trình phát triển của nền kinh tế, với xu thế phát triển của thời đại và hội nhập quốc tế.

2. Những kết quả đã đạt được về xây dựng thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới

Thứ nhất, xây dựng hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn với các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Xây dựng hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý để nền kinh tế thị trường vận hành thuận lợi và hiệu quả luôn là yêu cầu được đặt ra trong quá trình đổi mới. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) xác định: “Đổi mới việc xây dựng, ban hành và thực thi luật pháp đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường. Bảo đảm tính hệ thống của luật và các văn bản dưới luật, chú ý đến luật pháp và thông lệ quốc tế”⁶. Đại hội VIII (năm 1996), Đảng ta đề ra yêu cầu cần: “Ban hành một số luật mới và sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh hiện hành để tiếp tục thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược và các chủ trương, chính sách của Đảng, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết cho các hoạt động kinh tế”⁷. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ: “Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung

⁵ Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Ban Kinh tế Trung ương, tháng 5-2014.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.51, tr.173.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sdd, tr.100-101.

pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế...”⁸.

Đại hội XI của Đảng, yêu cầu: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc”⁹.

Thực hiện đường lối của Đảng, từ năm 2008 đến năm 2016, Quốc hội đã ban hành 191 luật và pháp lệnh, trong đó có 120 văn bản liên quan trực tiếp đến hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản, các luật về thuế (thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt, xuất - nhập khẩu, giá trị gia tăng, vv.); Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, vv..

Khung pháp luật kinh tế thị trường của nước ta đã dần được định hình và ngày càng hoàn thiện hơn trên các mặt sau:

- Khung pháp lý cho việc thực hiện quyền tự do kinh doanh, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sử dụng và khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội đã từng bước được quy định và ban hành trong Hiến pháp, trong Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản,....

- Khung pháp lý về tạo lập thị trường, tạo điều kiện cho cơ chế thị trường vận hành có hiệu quả được hình thành và ngày càng bổ sung, hoàn thiện hơn. Xóa bỏ cơ chế bao cấp, xây dựng cơ chế thị trường từ giá cả đến lưu thông hàng hóa, tự do hóa giao lưu hàng hóa từ nội thương đến ngoại thương. Khung khổ pháp lý và thể chế kinh tế mới đã tạo điều kiện cho sự ra đời thị trường cạnh tranh, nuôi dưỡng ý thức cạnh tranh lành mạnh cho doanh nghiệp.

- Tạo khung pháp lý cho việc hình thành và vận hành thị trường các yếu tố sản xuất: thị trường lao động, thị trường bất động sản, đặc biệt là thị trường bất động sản, thị trường tài chính, thị trường khoa học và công nghệ.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sdd, tr.329.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr. 247.

- Tạo dựng và điều chỉnh hệ thống luật pháp của đất nước cho phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế nhằm gia nhập WTO và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Thứ hai, từng bước hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của bộ máy nhà nước.

Để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Đảng và Nhà nước cũng đặc biệt coi trọng việc hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của bộ máy nhà nước.

Ngay từ Đại hội VII (năm 1991), vấn đề cải cách nền hành chính quốc gia cho phù hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước đã được đặt ra. Nội dung cải cách nền hành chính là nhằm: “Bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, phân định chức năng và quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh doanh; đổi mới quan hệ làm việc giữa bộ máy nhà nước với hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước một cách khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ năng lực. Trọng tâm cải cách nhằm vào hệ thống hành chính với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực”¹⁰.

Đại hội VIII (năm 1996) coi cải cách nền hành chính quốc gia là yếu tố quan trọng bảo đảm cho cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thực hiện trôi chảy. “Cải cách nền hành chính nhà nước.

Là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính”¹¹. Đại hội VIII cũng đã xác định rõ nội dung cơ bản của cải cách hành chính là:

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.51, tr.190-191.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sdd, tr.131.

“ - Về cải cách thể chế hành chính: Thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện; loại bỏ những khâu bất hợp lý và phiền hà, ngăn chặn tệ của quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật.

- Về tổ chức bộ máy: Chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp. Làm cho bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt, có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của địa phương, cơ sở. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền địa phương. **Kiến tạo bộ máy chính quyền cấp huyện và cơ sở đủ sức quản lý, giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền những vấn đề cuộc sống đặt ra và nhân dân đòi hỏi.**

- Về đội ngũ cán bộ, công chức hành chính: Xây dựng và ban hành văn bản pháp quy về chế độ công vụ và công chức. Định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật công chức hành chính. Quy định các chế độ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng công chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vừa giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, vừa có đạo đức liêm khiết khi thừa hành công vụ”¹².

Đại hội IX (năm 2001) xác định rõ hơn nhiệm vụ xây dựng nền hành chính trong giai đoạn mới là: “Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công”¹³.

Đến Đại hội X (năm 2006), nhiệm vụ xây dựng bộ máy nhà nước được Đảng ta khẳng định rõ hơn: “Điều chỉnh chức năng của Chính phủ đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển; Chính

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sdd, tr.131-132.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sdd, tr.133.

phủ tập trung vào việc hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng giải pháp, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế; xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội của cơ quan công quyền các cấp”¹⁴.

Trong hơn 30 năm qua, nền hành chính của Việt Nam đã có nhiều đổi mới tích cực: chức năng, quyền hạn, trách nhiệm giữa các cơ quan lập pháp, tư pháp và hành pháp được phân định rõ ràng hơn, tổ chức của bộ máy chính quyền các cấp đã từng bước được hoàn thiện, cơ chế quản lý được chú trọng đổi mới. Nhờ đó, hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền ngày càng được nâng cao.

Bộ máy chính quyền các cấp đã được đổi mới theo hướng hiện đại và hội nhập. Giai đoạn 1987-1992, bộ

máy Chính phủ Trung ương có 1 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, 7 Phó Chủ tịch và 30 bộ và cơ quan ngang bộ, đến giai đoạn 2002-2006 còn có: 1 Thủ tướng, 3 Phó Thủ tướng và 26 bộ, cơ quan ngang bộ (giảm 3 Phó Thủ tướng và 4 bộ, cơ quan ngang bộ). Đến giai đoạn hiện nay (2016-2021) còn: 1 thủ tướng, 5 Phó Thủ tướng và 22 bộ, cơ quan ngang bộ (tăng 2 Phó Thủ tướng và giảm 4 bộ, cơ quan ngang bộ). Bộ máy chính quyền ở các địa phương cũng được sắp xếp lại.

Việc tổ chức bộ máy chính quyền theo hướng gọn nhẹ, hiệu lực và hiệu quả đang được Chính phủ chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Cuối năm 2016, Bộ Công Thương đã cắt giảm 7 đầu mối trực thuộc (từ 35 đầu mối xuống còn 28); Hà Nội đã cắt giảm 55 phòng ban, giảm 130 đơn vị sự nghiệp, v.v..

Các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động kinh tế - xã hội đã được cập nhật và tiến hành công khai để các doanh nghiệp và người dân tiếp cận thuận lợi hơn. Các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cũng đã tiến hành rà soát, điều chỉnh hoặc loại bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, nhằm giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Tính đến tháng 6-2013 đã có 146.621 thủ tục hành chính và 10.784 văn bản có liên quan của 24 bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố đã được cập nhật để doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận. Riêng trong năm 2016, Chính phủ đã quyết định loại bỏ 252 thủ tục không

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sdd, tr.253-254.

cần thiết, sửa đổi 901 thủ tục không hợp lý và bỏ 3.500 điều kiện kinh doanh đã ban hành chưa đúng thẩm quyền. Đặc biệt, Tổng cục Thuế là cơ quan có liên quan đến doanh nghiệp nhiều nhất, trong năm 2016 đã bãi bỏ 92 thủ tục hành chính không hợp lý và giảm các thủ tục hành chính từ 385 thủ tục xuống còn 300 thủ tục.

- Các phương thức quản lý tiên tiến như: một cửa liên thông, làm các thủ tục khai báo hành chính qua mạng; các công cụ quản lý hiện đại như: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, vv. đã được các cơ quan quản lý quan tâm sử dụng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng công việc và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Trước năm 2014, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về thuế cho doanh nghiệp là 537 giờ, từ năm 2014 chỉ còn 247 giờ và xuống 117 giờ năm 2017. Thời gian thông quan cho một lô hàng xuất khẩu trước đây mất 21 ngày, đến năm 2017 chỉ còn 14 ngày, đối với hàng nhập khẩu chỉ còn 13 ngày, thời gian tiếp nhận và thông quan đối với hàng hóa ở luồng xanh chỉ mất từ 3 giây, hàng hóa ở luồng vàng thời gian xử lý và kiểm tra hồ sơ không quá 2 giờ.

Như vậy, thể chế về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước đã được hình thành. Đầu tiên là phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của đơn vị cơ sở. Nhà nước từ bỏ hoạt động quản trị và can thiệp vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Tiếp theo là tách bạch hai chức năng của Nhà nước là chức năng quản lý kinh tế vĩ mô và chức năng chủ sở hữu của doanh nghiệp nhà nước, từng bước xóa bỏ “bộ chủ quản”, “chính quyền chủ quản” của các doanh nghiệp nhà nước. Thể chế kinh tế mới hướng tới xác định quan hệ phù hợp giữa bộ ba Nhà nước, thị trường và doanh nghiệp theo nguyên tắc của thị trường.

Những đổi mới của bộ máy quản lý nhà nước đã góp phần làm cho thể chế kinh tế ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn và thông lệ quốc tế, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Thứ ba, từng bước hình thành đồng bộ các loại thị trường.

Trong quá trình chuyển đổi, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hơn 30 năm qua, hệ thống các loại thị trường đã từng bước được hình thành tương đối đồng bộ với năm loại thị trường cơ bản:

- Thị trường hàng hóa và dịch vụ.
- Thị trường tài chính.
- Thị trường lao động.
- Thị trường bất động sản.
- Thị trường khoa học và công nghệ.

Ngay từ Đại hội VII (năm 1991), Đảng đã chủ trương: “Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường lao động... Phát triển các hình thức thu hút vốn và bảo đảm chu chuyển vốn nhanh. Xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện”¹⁵.

Nhận thức về phát triển đồng bộ các loại thị trường ngày càng được hoàn thiện. Đến Đại hội XI của Đảng, chủ trương về phát triển các loại thị trường đã được nêu lên một cách có hệ thống: “Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng tự do hóa thương mại và đầu tư. Phát triển thị trường tài chính với cơ cấu hoàn chỉnh, quy mô tăng nhanh, phạm vi hoạt động mở rộng, vận hành an toàn, được quản lý và giám sát hiệu quả. Phát triển và kiểm soát có hiệu quả thị trường chứng khoán. Phát triển lành mạnh, bền vững thị trường bất động sản, ngăn chặn tình trạng đầu cơ; hoàn thiện cơ chế vận hành sàn giao dịch bất động sản.

Phát triển thị trường lao động, khuyến khích các hình thức giao dịch việc làm. Phát triển nhanh thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường”¹⁶.

Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách và biện pháp cụ thể để từng bước tạo lập và phát triển lành mạnh các loại thị trường. Đến nay, tuy ở mỗi loại thị trường vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện, song nhìn chung đã tạo dựng được các loại thị trường cơ bản. Kết quả này đã góp phần làm

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.51, tr.97.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr.111-112.

cho thể chế kinh tế hoàn thiện hơn và việc vận hành thể chế đó bài bản hơn, hiệu quả hơn.

Thứ tư, đã xác định ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế.

Nền kinh tế thị trường ra đời dựa trên nền tảng của chế độ đa sở hữu về tư liệu sản xuất và chỉ có thể phát triển mạnh mẽ, đúng quy luật khi tất cả các chủ thể đều được bình đẳng trong việc tham gia các hoạt động trên thị trường. Vấn đề này đã được Đảng và Nhà nước nhận thức ngày càng rõ hơn và cũng đã có nhiều chính sách cụ thể nhằm huy động tối đa các nguồn lực, từng bước đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Về chế độ sở hữu, từ chỗ không thừa nhận sở hữu tư nhân, đến chỗ thừa nhận sở hữu tư nhân. Sở hữu tư nhân được coi là một trong ba hình thức sở hữu cơ bản. Đại hội XI của Đảng đã khẳng định việc bảo hộ quyền sở hữu tư nhân: “Tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước..., quy định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội”¹⁷.

Như đã nêu ở trên, vai trò, vị trí của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta đã từng bước được xác định rõ. Từ Đại hội VII (năm 1991) đến Đại hội IX (năm 2001), quan điểm về thành phần kinh tế và vai trò, vị trí của từng thành phần cũng đã có sự điều chỉnh. Thành phần “kinh tế quốc doanh” được sửa lại là “kinh tế nhà nước”; “kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa” được sửa lại thành “kinh tế cá thể, tiểu chủ”, đồng thời thêm một thành phần kinh tế mới là “kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”. Điều quan trọng là, các thành phần kinh tế không phải “Nhà nước” và “tập thể” không còn bị coi là phi xã hội chủ nghĩa, tất cả đều được coi là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, kinh tế nhà nước được xác định là giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể là nền tảng

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr.206-207.

của nền kinh tế quốc dân. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) xác định: “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”¹⁸.

Từ Đại hội X (năm 2006) đến Đại hội XII (năm 2016), nhận thức về thành phần kinh tế và vai trò, vị trí của từng thành phần trong nền kinh tế cũng đã có sự thay đổi phù hợp hơn với thực tiễn của đất nước và với xu thế phát triển của thời đại. “Kinh tế cá thể, tiểu chủ” và “kinh tế tư bản tư nhân” được gộp lại thành “kinh tế tư nhân”. Vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân được đề cao. Đại hội X của Đảng (năm 2006), Đảng ta cho rằng: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”¹⁹. Đại hội XI của Đảng (năm 2011) Đảng ta khẳng định: “kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế”²⁰. Đại hội XII của Đảng (năm 2016) Đảng ta khẳng định mạnh mẽ hơn: kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Thể chế kinh tế mới bước đầu đã trao quyền cho doanh nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp là thực thể kinh tế tồn tại và hoạt động trong cơ chế thị trường, tuân thủ luật pháp, được tự do sản xuất kinh doanh, tự do cạnh tranh bình đẳng, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, với người tiêu dùng, trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. Quá trình xây dựng thể chế cũng đã có nhiều cố gắng khắc phục tệ phân biệt đối xử, tạo lập vị thế bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp ngoài nhà nước, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài.

Có thể nói, việc xác định rõ hơn vai trò, vị trí của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế đã góp phần huy động các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Đặc trưng của thể chế kinh tế ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sdd, tr. 95-96.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sdd, tr.83.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr.209.

Cho đến nay, trải qua hơn 30 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường ở nước ta đã từng bước được hình thành và phát triển, mang đặc trưng chung của thể chế kinh tế thị trường hiện đại phù hợp với điều kiện ở Việt Nam. Tuy nhiên, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay còn có những nét đặc thù, khác biệt với thể chế kinh tế thị trường ở nhiều nước phát triển.

Thứ nhất, về nội hàm của thể chế kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như đã nêu ở trên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát nước ta. Đại hội XII của Đảng xác định: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Như vậy, có thể thấy, đặc trưng của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là có sự đan xen, lồng ghép của hai thể chế kinh tế: thể chế kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, khác với thể chế của nhiều nước trên thế giới. Nền kinh tế vừa phải vận hành đầy đủ theo quy luật của kinh tế thị trường, lại vừa phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa được cho là “khác biệt”, riêng có của Việt Nam. Trong mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa thì kinh tế thị trường là tính phổ biến, mang tính phổ quát, còn định hướng xã hội chủ nghĩa là tính đặc thù, riêng có ở nước ta. Trong thể chế này, phải vừa thể hiện được các yêu cầu, tính chất của nền kinh tế thị trường hiện đại: vận hành đồng bộ, đầy đủ theo các quy luật tất yếu của kinh tế thị trường, thị trường đóng vai trò chủ yếu phân bổ nguồn lực phát triển, bảo đảm các hoạt động kinh tế đều phải phù hợp với kinh tế thị trường; đồng thời phải bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tính định hướng xã hội chủ nghĩa đã được giải thích trong các văn bản của Đảng và Nhà nước. Mặc dù vậy, về mặt lý luận và trong chỉ đạo thực tiễn, tư duy về định hướng xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và

định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa được làm sáng tỏ, nhiều vấn đề lý luận về xã hội xã hội chủ nghĩa và định hướng xã hội chủ nghĩa cũng chưa được hiểu một cách nhất quán, biện chứng.

Đại hội X và Đại hội XI của Đảng đã nêu lên tám đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng, tám phương hướng cơ bản của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và tám mối quan hệ lớn phải chú trọng giải quyết trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, ở đây cũng còn có nhiều mặt hạn chế, như Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới đã chỉ ra: "... chưa nhận thức thật đầy đủ và thấu đáo về vị trí, vai trò, ý nghĩa nội dung của việc giải quyết tám mối quan hệ... Nhiều nội dung cụ thể của tám mối quan hệ; tính đặc thù, tính phổ biến trong việc nhận thức lý luận và xử lý thực tiễn tám mối quan hệ lớn chưa được luận giải thấu đáo"²¹. Đại hội XII đã tiếp tục giải thích tính định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện ở năm điểm: có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; xác lập quan hệ sản xuất mới tiến bộ; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Tuy nhiên, nội dung của định hướng xã hội chủ nghĩa chưa thực sự thuyết phục, và do đó là nội hàm của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được làm rõ về mặt lý luận.

Một số ý kiến cho rằng, tư duy lý luận về tám đặc trưng của mô hình định hướng xã hội chủ nghĩa và tám mối quan hệ lớn mới là tư duy chính trị, nhấn mạnh đến chính trị là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội, chưa phản ánh được quy luật phát triển của thời đại và chưa tạo được đột phá để phát triển kinh tế. Yếu tố định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hiểu và nhấn mạnh vào cấu trúc kinh tế và chế độ sở hữu (toàn dân và tập thể), vào vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và do đó, có thể trở thành nhân tố kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Như vậy, việc khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa làm cho việc xác định rõ mối quan hệ

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Sdd, tr. 183-184.

giữa hai phạm trù: kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa trở thành nội dung cốt lõi trong việc đổi mới nhận thức ở nước ta trong hơn 30 năm qua và những năm tới. Mô hình kinh tế này đang được coi là chưa có tiền lệ trong lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của loài người và việc xác định mô hình này cũng được nhìn nhận là bước phát triển về lý luận của Đảng. Tuy nhiên, ở đây có hai vấn đề đang đặt ra. Một là, chưa làm rõ nội hàm, bản chất của mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; hai là, cho đến nay vẫn còn có nhiều ý kiến chưa đồng nhất trong việc nhận thức về mối quan hệ này. Vì vậy, việc nhận thức rõ và giải quyết được vấn đề lý luận về mối quan hệ này sẽ là nền tảng lý luận để giải quyết các vấn đề lý luận khác về đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thứ hai, thể chế về chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay có điểm khác biệt so với tính phổ quát của thể chế sở hữu trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Cho đến nay, quan niệm của Việt Nam về quan hệ sở hữu trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa được đổi mới căn bản. Trong thực tiễn, Việt Nam vẫn coi chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu biểu hiện dưới hai hình thức toàn dân và tập thể là nền tảng, là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Điều này thể hiện rất rõ trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Theo đó, ở Việt Nam có ba chế độ sở hữu: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Như vậy, công hữu vẫn được coi là chế độ sở hữu chính. Nội dung của các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ Đại hội, đặc biệt là từ Đại hội IX đến nay vẫn khẳng định vai trò hàng đầu, vai trò quyết định của sở hữu toàn dân (mà đại diện là kinh tế nhà nước) và sở hữu tập thể (mà đại diện là kinh tế tập thể).

Các quy định về quản lý đất đai có nhiều điểm không phù hợp. Quá trình tích tụ tập trung ruộng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất gặp nhiều khó

khăn. Thể chế về quản lý rừng, tài nguyên khoáng sản, quản lý tài sản công, quản lý các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất cập.

Thứ ba, vai trò kinh tế nhà nước trong thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nhận thấy rằng, việc khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là đặc trưng riêng có của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”²². Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh: doanh nghiệp nhà nước là một bộ phận của kinh tế nhà nước, tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng an ninh; những lĩnh vực mà các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác không đầu tư.

Trong điều kiện của nền kinh tế chuyển đổi, với điểm xuất phát thấp, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là nội dung chưa phù hợp với thể chế kinh tế thị trường hiện đại. Hơn nữa, việc sử dụng doanh nghiệp nhà nước để điều tiết thị trường, làm công cụ để ổn định kinh tế vĩ mô không những là không phù hợp với nguyên tắc thị trường mà về lâu dài còn làm méo mó thị trường”²³.

Có thể nhận thấy, trong hơn 30 năm qua, Việt Nam chưa có sự thay đổi căn bản về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, về phương thức quản lý. Công cụ và mệnh lệnh hành chính vẫn đang được sử dụng khá phổ biến; Nhà nước pháp quyền chưa hình thành đầy đủ. Nhận thức về vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước dẫn đến hệ lụy là trong chỉ đạo thực tiễn, dành sự ưu đãi về các nguồn lực (tài nguyên, đất đai và các lợi thế khác, nhất là lợi thế độc quyền trong một số lĩnh vực), tạo sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr. 73-74.

²³ Xem: Báo cáo doanh nghiệp nhà nước và méo mó thị trường, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 2017.

Thứ tư, mối quan hệ giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị và vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội.

Trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, thể chế kinh tế đã có sự chuyển đổi căn bản, nhưng đổi mới thể chế chính trị diễn ra chậm và ít hiệu quả, chưa thực sự gắn liền với đổi mới kinh tế, diễn ra sau và lạc hậu so với đổi mới kinh tế; do đó làm chậm và hạn chế tiến trình đổi mới về kinh tế. Đây cũng là điểm khác biệt của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Về cơ bản, chưa hình thành một hệ thống lý luận về đổi mới thể chế chính trị trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số nội dung về đổi mới thể chế chính trị chưa được làm rõ như: nội hàm của “đổi mới chính trị” là gì? đổi mới chính trị “phù hợp” với đổi mới kinh tế là thế nào, thế nào là phù hợp, mức độ và tiêu chí đánh giá sự phù hợp.

“Một nền kinh tế dù là theo mô hình nào, muốn phát triển nhanh và bền vững phải có một hệ thống chính trị phù hợp với hệ thống kinh tế. Hệ thống chính trị phù hợp với hệ thống kinh tế sẽ tạo ra động lực to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. Như đã trình bày ở trên, cho đến nay, hệ thống kinh tế của Việt Nam đã được thay đổi căn bản nhưng cách thức tổ chức hệ thống chính trị của chúng ta về cơ bản vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể, vẫn chủ yếu dựa trên sáu tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động của họ vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế dân doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng chủ yếu thì cách thức hệ thống chính trị như cũ ít có tác dụng thúc đẩy phát triển thậm chí còn gây cản trở đối với quá trình phát triển kinh tế”²⁴.

Cho đến nay, Việt Nam chưa thừa nhận xã hội dân sự là một trong ba thành tố của nền kinh tế thị trường. Các tổ chức xã hội Việt Nam phụ thuộc vào sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước, được kinh phí của Nhà nước cấp, thậm chí được Nhà nước coi như là một đơn vị hành chính có biên chế, xếp ngạch bậc công chức. Vì thế chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này không rõ ràng, vừa

²⁴ Lương Xuân Quỳ (Chủ biên): Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới, Sđd, tr. 188-189..

chịu sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vừa có nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, do chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng, nên các tổ chức xã hội Việt Nam hoạt động thụ động, hiệu quả thấp. Mặt khác, cơ sở pháp lý, mà cụ thể là luật về hội, hiệp hội chưa được ban hành, nên sự hoạt động không có sự đảm bảo bằng pháp luật. Vì vậy, các tổ chức xã hội ở Việt Nam thiếu chủ động trong chức năng, nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Đảng và Nhà nước.

Thứ năm, về mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một trong những đặc điểm của thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay là về mặt nhận thức, cho rằng ở “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”²⁵. Mặc dù trong hơn 30 năm qua, tư duy nhận thức và trong hoạt động thực tiễn, vai trò của Nhà nước đã được đổi mới, tuy nhiên nhận thức như trên, trong thực tế là đã tách rời Nhà nước và thị trường²⁶, chưa coi Nhà nước là bàn tay hữu hình của nền kinh tế, mà là đứng ngoài thị trường, điều khiển thị trường; coi thị trường là do Nhà nước thiết lập và vận hành, chứ không phải là thực thể khách quan.

Do nhận thức chưa đầy đủ về bản chất của Nhà nước và thị trường cũng như mối quan hệ biện chứng giữa Nhà nước và thị trường, chưa coi thị trường là thực thể khách quan, đề cao vai trò của Nhà nước nên cho đến nay vẫn chưa có sự đổi mới căn bản về vai trò, chức năng của Nhà nước theo mô hình kinh tế thị trường hiện đại. Hơn nữa, những yếu kém của bộ máy hành chính, sự lạc hậu về cách thức quản lý đã làm cho thị trường không phát huy đầy đủ chức năng của nó. Vì vậy, trong quản lý điều hành nền kinh tế, công cụ và mệnh lệnh hành chính vẫn được sử dụng khá phổ biến, Nhà nước pháp quyền chưa được hình thành đầy đủ. Bộ máy nhà nước, năng lực vận hành cũng như thiết chế của nó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thị trường hiện đại.

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd, tr.34.

²⁶ Nguyễn Đình Cung: Báo cáo nghiên cứu “Đổi mới tư duy và tháo bỏ nút thắt thể chế để chuyển mạnh nền kinh tế nước ta sang kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại”, 2015.

Thể chế kinh tế hiện hành vẫn chưa xác định đủ rành mạch và rõ ràng về vai trò, chức năng quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Vai trò “cầm lái”, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước vẫn mờ nhạt, trong khi lại nặng về ôm đồm, xử lý tình huống, sự việc, can thiệp hành chính. Tình trạng quản lý thiếu chiến lược dài hạn mà chỉ mang tính ngắn hạn, thiếu chủ động, mang tính đối phó bị động. Đồng thời, thể chế kinh tế thị trường ở nước ta vẫn chưa tôn trọng vai trò và chức năng của thị trường, chưa coi thị trường là một thực thể khách quan, vận động và phát triển theo những quy luật vốn có của nó, không phụ thuộc vào ý chí cá nhân và tổ chức xã hội nào, kể cả ý chí của Nhà nước.

“Nhận thức này cùng với các chính sách thực thi trong thực tiễn đã làm méo mó, sai lệch thị trường, làm cho thị trường vận hành không đúng với chức năng cơ bản của nó là huy động và phân bổ sử dụng các nguồn lực, do đó năng suất và hiệu quả nền kinh tế bị suy giảm. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu tạo nên các nút thắt về thể chế, ngăn cản việc hình thành một thị trường hiện đại đồng bộ, làm chậm tiến trình đổi mới”²⁷.

Những đặc trưng của thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam như đã nêu trên cũng chính là sự khác biệt, chưa thực sự phù hợp với thể chế kinh tế thị trường hiện đại, gây ra những rào cản về thể chế, làm chậm tiến trình đổi mới ở Việt Nam. Các rào cản đó vừa làm méo mó, sai lệch thị trường, hạn chế sự hình thành và phát triển các loại thị trường, thị trường về cơ bản chưa thực hiện đúng chức năng trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực.



²⁷ Lương Xuân Quỳ (Chủ biên): Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới, Sđd, tr. 195.